

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2025
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Thái Hiệp và ông Lê Văn Thuyền

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức V, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 46/25 Nguyễn Công Trứ, phường 4, thành phố TH, tỉnh PY.

Bị đơn: Chị Lê Thị B E, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp KX, xã LN, huyện HD, tỉnh BL

(Anh V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị B E vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Đức V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa anh với chị Lê Thị B E đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện HD, tỉnh BL ngày 17/7/2006 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Do trong thời gian chung sống giữa vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện anh và chị B E đã sống ly thân với nhau 9 năm, trong khoảng thời gian vợ chồng sống xa nhau không ai quan tâm ai. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị B E

Về con chung: Anh Lê Đức V xác định trong thời gian chung sống giữa anh và chị B E có với nhau 01 người con chung tên Lê Thùy Tr, sinh ngày 17/4/2006. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên khi ly hôn anh không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Đức V xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với chị Lê Thị B E: Mặc dù chị Lê Thị B E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Lê Thị B E vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị Lê Thị B E theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị Lê Thị B E chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Đức V được ly hôn với chị Lê Thị B E là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Do con chung của anh Lê Đức V và chị Lê Thị B E đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Đức V xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Lê Đức V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Đức V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị Lê Thị B E. Chị Lê Thị B E có địa chỉ cư trú tại huyện HD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

Anh Lê Đức V có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V.

Chị Lê Thị B E đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Lê Thị B E vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị B E.

[2] Về nội dung vụ án: Anh V và chị B E chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống anh V và chị B E có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện HD, tỉnh BL ngày 17/7/2006 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh V và chị B E là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh V đối với chị B E thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh V và chị B E lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện anh V và chị B E đã sống ly thân với nhau khoảng 9 năm. Trong thời gian qua cả anh V và chị B E đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện muốn hàn gắn lại với nhau, anh V và chị B E không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh V xác định vợ chồng anh không còn khả năng tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh V và chị B E là không thể hàn gắn lại được, việc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V đối với chị B E là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do con chung của anh Lê Đức V và chị Lê Thị B E đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Đức V xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Lê Đức V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lê Đức V đối với chị Lê Thị B E; Xử cho anh Lê Đức V được ly hôn với chị Lê Thị B E.

2/. Về nuôi con chung: Do con chung của anh Lê Đức V và chị Lê Thị B E đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Đức V xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Anh Lê Đức V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002815 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH, tỉnh PY.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Lê Đức V và chị Lê Thị B E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- UBND xã LN;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

